Chi tiết mã HS 9019.10.10

Mã HS	9019.10.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị trị liệu cơ học; máy xoa bóp; máy thử nghiệm trạng thái tâm lý; máy trị liệu bằng ôzôn, bằng oxy, bằng xông, máy hô hấp nhân tạo hoặc máy hô hấp trị liệu khác / - Máy trị liệu cơ học; máy xoa bóp; máy thử nghiệm trạng thái tâm lý: / - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	03/11/2026 21:57:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90191010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18100
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18100
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18100
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17415
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17344
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17344
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17344
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17344
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17344
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17344
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17400
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17400

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17400
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17400
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17400
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17400
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17401
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17401
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17401
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17401
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17401
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17401
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17406
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17362
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17358
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17358
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17358
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17358
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17358
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17358
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17404
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17404
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17404
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17404
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17404
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17404
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17466
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17466

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17466
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17466
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17466
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17466
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17442
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17442
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17442
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17442
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17442
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17442
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17437
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17437
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17437
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17437
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17437
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17437
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17467
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17467
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17467
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17467
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17467
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17467
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17466
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17466
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17466
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17466

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17466
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17466
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17560
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17560
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17560
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17560
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17560
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17560
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17560
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17429
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17429
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17429
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17429
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17429
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17429
RCEP B	2022	2022	0	B!D17429
RCEP B	2023	2023	0	B!E17429
RCEP B	2024	2024	0	B!F17429
RCEP B	2025	2025	0	B!G17429
RCEP B	2026	2026	0	B!H17429
RCEP B	2027	2027	0	B!I17429
RCEP C	2022	2022	0	C!D17427
RCEP C	2023	2023	0	C!E17427
RCEP C	2024	2024	0	C!F17427
RCEP C	2025	2025	0	C!G17427
RCEP C	2026	2026	0	C!H17427

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17427
RCEP D	2022	2022	0	D!D17426
RCEP D	2023	2023	0	D!E17426
RCEP D	2024	2024	0	D!F17426
RCEP D	2025	2025	0	D!G17426
RCEP D	2026	2026	0	D!H17426
RCEP D	2027	2027	0	D!I17426
RCEP E	2022	2022	0	E!D17430
RCEP E	2023	2023	0	E!E17430
RCEP E	2024	2024	0	E!F17430
RCEP E	2025	2025	0	E!G17430
RCEP E	2026	2026	0	E!H17430
RCEP E	2027	2027	0	E!I17430
RCEP F	2022	2022	0	F!D17429
RCEP F	2023	2023	0	F!E17429
RCEP F	2024	2024	0	F!F17429
RCEP F	2025	2025	0	F!G17429
RCEP F	2026	2026	0	F!H17429
RCEP F	2027	2027	0	F!I17429
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16342
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16342
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16342
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16342

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9019.10 có 2 dòng thuế; dòng 9019.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	9019.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9019.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9019.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18100), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.